

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **219/2025/DS-ST**
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai và ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là “S1”).

Trụ sở: số B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Giang C, chức vụ: Trưởng P – Chi nhánh A (theo Quyết định số 4039/2024/QĐ-PC ký ngày 27/12/2024 của Tổng Giám đốc v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Lê Thanh V, sinh năm: 1989; chức vụ: Phó phòng giao dịch L – chi nhánh A; Địa chỉ: Số E, đường T, phường L, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 01/10/2025). ĐT: 0914.441.448.

+ Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1989; chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân phòng P – chi nhánh A (theo giấy ủy quyền ngày 10/10/2025)

- Bị đơn: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là Số C, khóm T, phường L, tỉnh An Giang). Địa chỉ liên hệ: Số C tổ A, khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là: Số C tổ A, khóm P, phường L, tỉnh An Giang. ĐT: 0366.181.832.

(Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin vắng mặt; bị đơn và Phạm Ngọc T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 13/4/2022 bà Phạm Ngọc T đã ký với S1 - Chi nhánh A – Phòng P Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 14815328/04/2022/PGDLX để vay 100.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 24,6%/năm; Số tài khoản thẻ tín dụng: 3675481455; Dư nợ cuối kỳ: 24.644.630 đồng; Lãi quá hạn: 1.195.172 đồng; Số tiền phải thanh toán đến ngày 30/9/2025: 24.644.630 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 30/9/2025, bà Phạm Ngọc T chưa trả cho S1 - Chi nhánh A – P1 tổng số tiền là: 24.644.630 đồng. Bà Phạm Ngọc T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Phạm Ngọc T phải thanh toán tổng cộng: 26.489.352 đồng (tạm tính đến ngày 10/12/2025), trong đó: nợ gốc: 23.449.458 đồng; nợ lãi: 3.039.894 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà Phạm Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Phạm Ngọc T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S: Buộc bà Phạm Ngọc T

phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 24.644.630 đồng và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký ngày 13/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí dân sự: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Phạm Ngọc T trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại phường L nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[1.3] Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh V và ông Nguyễn Ngọc L, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (theo giấy ủy quyền ngày 01/10/2025 và ngày 10/10/2025) tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Thủ tục ủy quyền phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông V, ông L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/4/2022, Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 13/4/2022 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Phạm Ngọc T để yêu cầu bà T trả tổng số tiền 26.489.352 đồng (tạm tính đến ngày 10/12/2025), trong đó: nợ gốc: 23.449.458 đồng; nợ lãi: 3.039.894 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Ngân hàng S1 đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bà T, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ 24,6%/năm. Bà T đã sử dụng vốn vay

của S1 theo hạn mức nhưng không thực hiện trả nợ theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 26.489.352 đồng (tạm tính đến ngày 10/12/2025), trong đó: nợ gốc: 23.449.458 đồng; nợ lãi: 3.039.894 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và buộc bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp

Bà Phạm Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 157, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Phạm Ngọc T.

Buộc bà Phạm Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 26.489.352 đồng (*hai mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng*) (tạm tính đến ngày 10/12/2025), trong đó: nợ gốc: 23.449.458 đồng (*hai mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng*); nợ lãi: 3.039.894 đồng (*ba triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/12/2025) bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các

bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí dân sự: Bà Phạm Ngọc T phải chịu 1.325.000 đồng (*một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại 1.232.232 đồng (*một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003521 ngày 08/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND An Giang (phòng KTNV-THA);
- THADS tỉnh An Giang;
- VKSND KV 9 – An Giang;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

